TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn T Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyến.
- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung Nghĩa - thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kiều Oanh - kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 05 ngày 07/01/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12 ngày 08/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Đức L, sinh năm 1984, trú tại xóm 2, thôn Đồng Chanh, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Chị Ngân Thị T, sinh năm 1981, trú tại xóm 2, thôn Đồng Chanh, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Bùi Đức L và chị Ngân Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí ngày 14/9/2011, đến gần đây hai bên phát sinh mâu thuẫn nên anh L đã nộp đơn lên tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Khánh H, sinh ngày 08/3/2011, hiện nay cháu đang ở với anh L tại xóm 2, thôn Đồng Chanh, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Về tài sản chung: Anh L đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nộp đến tòa án, anh L trình bày quan điểm như sau: Về quan hệ hôn nhân, sau khi về chung sống đến năm 2017 thì hai vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị T có hành vi tự ý đi khỏi nhà, anh cảm thấy không thể chấp nhận được hành động đó của chị T, hai bên cũng đã ly thân từ 2017 nên nay anh thấy không tiếp tục chung sống được nữa, đề nghị tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi thành

niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung anh đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Về phần bị đơn là chị T, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt văn bản hợp lệ cho chị T, nhưng chị T không đến cung cấp lời khai theo giấy triệu tập của tòa án, không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản xác minh ngày 31/01/2019 tại xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đại diện địa phương là ông Trần Danh T, trưởng thôn Đồng Chanh, xã Thượng Yên Công cung cấp thông tin như sau: Anh L và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Yên Công năm 2011, sau khi về chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp, ly thân từ giai đoạn đầu năm 2018, cháu H là con chung hiện đang chung sống với bố tại địa phương, sức khỏe bình thường, sinh hoạt ổn định, chị T đi làm xa thỉnh thoảng về thăm con nên hàng ngày cháu ở với bố. Địa phương đề nghị tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2019, cháu H cho biết: Trong thời gian bố mẹ ly thân thì cháu sống với bố, bố quan tâm cháu nhiều hơn vì mẹ thường đi làm xa, thỉnh thoảng mới về, trường hợp bố mẹ ly hôn thì quan điểm của cháu muốn được ở với bố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

+ Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

+ Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi về chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp, hai bên đã ly thân từ giai đoạn cuối năm 2017 đầu năm 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng anh L và chị T đã không làm được điều này, hai anh chị ly thân đến nay đã khoảng một năm rưỡi, quá trình giải quyết vụ án tòa án cũng mời hai bên lên làm việc, hòa giải, nhưng dù được triệu tập hợp lệ chị T vẫn nhiều lần không có mặt, điều đó cho thấy hai bên đương sự đã thật sự không thể ngồi lại hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Khánh H, sinh ngày 08/3/2011. Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu H hiện nay chung sống với bố là anh L, nguyện vọng của cháu hiện nay là muốn chung sống với bố, qua xác minh ở địa phương cũng cho thấy quá trình chung sống với bố thì cháu H sức khỏe bình thường, sinh hoạt ổn định, anh L cũng có việc làm ổn định ở Công ty than Nam Mẫu – TKV, mức lương khoảng 5 triệu đồng. Như vậy việc giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị T không phải cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền L cho cháu H một cách tốt nhất.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Bùi Đức L.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Bùi Đức L được ly hôn chị Ngân Thị T.

2. Về con chung: anh Bùi Đức L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Khánh H (sinh ngày 08/3/2011) kể từ ngày bản án này của tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Ngân Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

Sau khi ly hôn hai bên đương sự vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Bùi Đức L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh L đã nộp theo biên lai thu số 0000684 ngày 04/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi gửi:
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã Thượng Yên Công;*
- *VKSND Tp. Uông Bí;*
- *Chi cục THADS Uông Bí;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thanh Hải